

PHÂN TÍCH SWOT ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC TRUYỀN THÔNG TẠI VIỆT NAM

TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN
Khoa Quan hệ Công chúng - Truyền thông,
Trường Đại học Văn Lang

Nhận bài ngày 11/4/2026. Sửa chữa xong 20/5/2026. Duyệt đăng 28/5/2026.

Abstract

The application of digital transformation solutions in the media sector in Vietnam has great potential. The use of digital technology, Big Data, Internet of Things (IoT), artificial intelligence (AI), machine learning, cloud platforms, and intelligent management systems can significantly enhance content production efficiency, information distribution, audience interaction, personalized user experiences, as well as optimize operational and business activities of press agencies, television stations, digital media platforms, and media enterprises.

Keywords: Communication, digital communication, digital transformation, SWOT, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số (digital transformation) trong lĩnh vực truyền thông đang trở thành yếu tố then chốt giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí, tăng cường tương tác với công chúng, cải thiện chất lượng nội dung và thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo. Đây được xem là động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững của ngành truyền thông trong kỷ nguyên số (Trần Trọng Hải, 2022). Một số ứng dụng chuyển đổi số điển hình trong lĩnh vực truyền thông có thể kể đến như: sản xuất nội dung tự động, phân tích hành vi khán giả, cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, phân phối đa nền tảng và quản lý dữ liệu thông minh. Đối với lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ giúp cải thiện hiệu quả sản xuất và kinh doanh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh, thích ứng với xu hướng tiêu dùng thông tin mới và thúc đẩy sự phát triển của truyền thông số. Chuyển đổi số mang lại nhiều cơ hội lớn cho ngành truyền thông Việt Nam, tuy nhiên vẫn tồn tại những thách thức và rủi ro như: chi phí đầu tư ban đầu cao, thiếu nhân lực chất lượng cao, vấn đề an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sự chuyển đổi văn hóa tổ chức.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tầm quan trọng của SWOT về ứng dụng giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam

Mô hình phân tích SWOT là một trong những công cụ quan trọng được sử dụng để đánh giá hiện trạng, xác định tiềm năng và thách thức thông qua bốn khía cạnh: Strengths (Điểm mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội) và Threats (Thách thức). Phân tích SWOT cung cấp nền tảng cơ bản để xây dựng kế hoạch chiến lược và hỗ trợ ra quyết định cho quá trình chuyển đổi số.

Bảng 1: Một số ứng dụng và công nghệ nổi bật của chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông

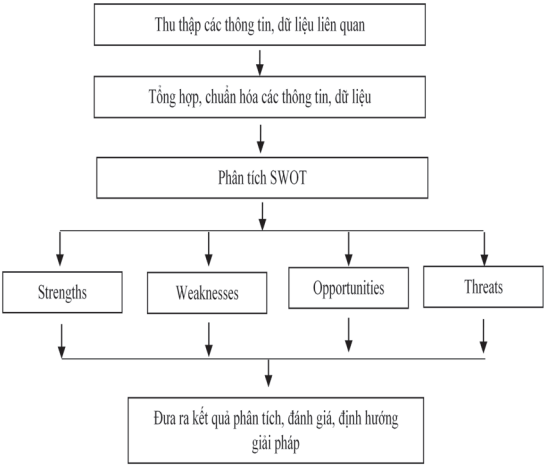
STT	Tên ứng dụng/Công nghệ	Ứng dụng cụ thể
1	IoT (Internet of Things)	Sử dụng cảm biến và thiết bị thông minh trong studio, sự kiện trực tiếp, giúp thu thập dữ liệu thời gian thực và tối ưu hóa quy trình sản xuất chương trình.
2	Big Data và Phân tích dữ liệu	Phân tích hành vi, sở thích khán giả từ các nền tảng số để đưa ra chiến lược nội dung và quảng cáo chính xác hơn.

Email: huyen.2583201080020@vanlanguni.vn

3	AI và Machine Learning	Tự động tạo nội dung (bài viết, video ngắn, phụ đề), gợi ý nội dung cá nhân hóa, phát hiện tin giả và tối ưu hóa lịch phát sóng.
4	Nền tảng đám mây (Cloud Computing)	Lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn, hỗ trợ làm việc từ xa, hợp tác thời gian thực giữa các tòa soạn và đội ngũ sản xuất.
5	Blockchain	Bảo vệ bản quyền nội dung, xác thực nguồn tin, quản lý hợp đồng bản quyền và giao dịch nội dung số minh bạch.
6	Hệ thống quản lý nội dung (CMS) & Automation	Tự động hóa quy trình biên tập, xuất bản đa nền tảng, quản lý toàn bộ dòng chảy nội dung.
7	Công nghệ AR/VR và 5G	Tạo trải nghiệm truyền thông tương tác, thực tế ảo tăng cường, phát sóng trực tiếp chất lượng cao.
8	Ứng dụng di động và Chatbot	Tương tác trực tiếp với độc giả/người xem, cung cấp tin tức cá nhân hóa và dịch vụ khách hàng 24/7.

Nhằm đánh giá và phân tích mô hình SWOT đối với việc ứng dụng giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam, từ đó làm rõ mức độ ảnh hưởng của chuyển đổi số đến sự phát triển bền vững và cạnh tranh của ngành truyền thông quốc gia.

Hình 1: Các bước thực hiện nghiên cứu phân tích ma trận SWOT



Kết quả phân tích SWOT ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng phân tích SWOT ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực điện gió

Strengths (Điểm mạnh): - Dân số trẻ và tỷ lệ sử dụng Internet cao - Chính sách hỗ trợ mạnh mẽ của Nhà nước - Chuyển đổi số nâng cao hiệu quả sản xuất nội dung và tương tác - Hạ tầng công nghệ thông tin phát triển nhanh	Weaknesses (Điểm yếu): - Thiếu hụt nhân lực chất lượng cao - Chi phí đầu tư ban đầu lớn - Khả năng tích hợp công nghệ chưa đồng bộ - Chênh lệch phát triển số giữa các vùng miền
Opportunities (Cơ hội): - Tăng cường đầu tư quốc tế và hợp tác - Xu hướng tiêu dùng truyền thông số mạnh mẽ - Các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số từ tổ chức quốc tế - Tiến bộ công nghệ nhanh chóng (AI, 5G, Big Data)	Threats (Thách thức): - Biến động chính sách và quy định pháp lý - Cạnh tranh gay gắt từ các nền tảng lớn nước ngoài - Rủi ro thông tin sai sự thật và an ninh mạng - Thay đổi hành vi người dùng và sự bão hòa nội dung

2.1.1. Strengths (Điểm mạnh)

Dân số trẻ và tỷ lệ sử dụng Internet cao: Việt Nam sở hữu lợi thế dân số vàng với hơn 79,8 triệu người dùng Internet (tỷ lệ thâm nhập 78,8% dân số) và 76,2 triệu người dùng mạng xã hội (75,2% dân số) tính đến đầu năm 2025. Thế hệ Z và Millennials chiếm tỷ lệ lớn, là lực lượng tiêu dùng nội dung số cao, quen thuộc với video ngắn, livestream và trải nghiệm tương tác. Đây là nền tảng quan trọng giúp các cơ quan truyền thông dễ dàng tiếp cận công chúng, phân phối nội dung đa kênh và thu thập dữ liệu hành vi thời gian thực, tạo lợi thế cạnh tranh so với nhiều quốc gia trong khu vực.

Chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Chính phủ Việt Nam đã ban hành hàng loạt chiến lược quan trọng như Chiến lược Quốc gia về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025 định hướng đến 2030 và Chiến lược chuyển đổi số báo chí (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Các chính sách này không chỉ tạo hành lang pháp lý mà còn cung cấp cơ chế ưu đãi, hỗ trợ tài chính và xây dựng trung tâm hỗ trợ chuyển đổi số cho báo chí. Nhiều cơ quan báo chí đã đạt mức độ trưởng thành số “xuất sắc”, thể hiện sự quyết tâm mạnh mẽ từ cấp quốc gia đến các đơn vị cơ sở.

Chuyển đổi số nâng cao hiệu quả sản xuất và tương tác: Việc áp dụng AI, Big Data, tự động hóa quy trình và nền tảng đám mây giúp tối ưu hóa toàn bộ chuỗi giá trị truyền thông. Các tòa soạn có thể tự động tạo nội dung cơ bản, phân tích hành vi khán giả để cá nhân hóa tin tức, tối ưu lịch phát sóng và giảm đáng kể thời gian sản xuất. Nhiều đài truyền hình và báo điện tử đã triển khai studio ảo, công nghệ AR/VR, mang lại trải nghiệm người dùng phong phú hơn, đồng thời giảm chi phí vận hành dài hạn.

Hạ tầng công nghệ thông tin đang phát triển: Việt Nam đang đẩy mạnh triển khai mạng 5G tại các thành phố lớn, xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và hạ tầng đám mây. Sự phát triển này tạo điều kiện cho các cơ quan truyền thông triển khai công nghệ tiên tiến như phát sóng trực tiếp chất lượng cao, lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn. Hạ tầng số ngày càng hoàn thiện chính là nền tảng vững chắc để ngành truyền thông Việt Nam hội nhập sâu hơn với xu hướng truyền thông toàn cầu.

2.1.2. Weaknesses (Điểm yếu)

Thiếu hụt nhân lực chuyên môn: Đây là một trong những điểm nghẽn lớn nhất. Ngành truyền thông thiếu nghiêm trọng nhân sự vừa am hiểu chuyên môn báo chí, vừa thành thạo công nghệ số (AI, data analytics, sản xuất nội dung số, an ninh mạng). Nhiều tòa soạn vẫn phụ thuộc vào phương thức làm việc truyền thống, dẫn đến khoảng cách giữa nhu cầu chuyển đổi và năng lực thực tế. Chương trình đào tạo quốc gia dù đã được đẩy mạnh nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển công nghệ.

Chi phí đầu tư ban đầu cao: Việc hiện đại hóa hệ thống quản lý nội dung (CMS), xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu, studio ảo, công nghệ thực tế ảo tăng cường đòi hỏi kinh phí rất lớn. Đối với nhiều cơ quan báo chí, đặc biệt là đơn vị địa phương và báo chuyên ngành, chi phí đầu tư công nghệ cùng chi phí đào tạo nhân sự là rào cản lớn, khiến quá trình chuyển đổi diễn ra chậm chạp và không đồng đều.

Khả năng tích hợp công nghệ chưa đồng bộ: Nhiều cơ quan truyền thông vẫn tồn tại hệ thống legacy (cũ) khó kết nối với các nền tảng mới, dẫn đến tình trạng dữ liệu phân mảnh, quy trình vận hành thiếu liền mạch và lãng phí nguồn lực. Việc tích hợp giữa các hệ thống cũ và mới đòi hỏi thêm thời gian, chi phí và chuyên môn kỹ thuật cao.

Chênh lệch phát triển số giữa các vùng miền: Trong khi Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu về chuyển đổi số, hạ tầng và khả năng tiếp cận công nghệ tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa vẫn còn hạn chế. Điều này gây khó khăn cho việc xây dựng mô hình truyền thông số toàn quốc, tiếp cận khán giả rộng rãi và đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận thông tin.

2.1.3. Opportunities (Cơ hội)

Tăng cường đầu tư quốc tế: Việt Nam là thị trường truyền thông số tăng trưởng nhanh nhất khu vực, thu hút mạnh các tập đoàn công nghệ và truyền thông lớn quốc tế. Cơ hội hợp tác, chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp và liên kết nội dung giúp các cơ quan truyền thông Việt Nam tiếp cận công nghệ tiên tiến với chi phí hợp lý hơn.

Xu hướng tiêu dùng truyền thông số mạnh mẽ: Thói quen của người dân thay đổi nhanh chóng, chuyển dịch mạnh sang nền tảng số, video ngắn, podcast và nội dung tương tác. Sự gia tăng của thương mại điện tử và quảng cáo số tạo nguồn thu mới cho báo chí. Theo các báo cáo, thị trường nội dung số Việt Nam đang tăng trưởng ổn định, mở ra không gian phát triển lớn cho các đơn vị truyền thông biết tận dụng dữ liệu và công nghệ.

Các chương trình hỗ trợ từ tổ chức quốc tế: Ngân hàng Thế giới, ADB, UNESCO và nhiều tổ chức khác đang hỗ trợ Việt Nam qua các dự án nâng cao năng lực số cho nhà báo, phát triển truyền thông số và

bảo vệ bản quyền nội dung. Những chương trình này cung cấp cả nguồn vốn, đào tạo và kinh nghiệm quốc tế quý báu.

Tiến bộ công nghệ: Sự bùng nổ của AI sinh tạo (Generative AI), Machine Learning, 5G và Big Data mang lại công cụ mạnh mẽ giúp tự động hóa sản xuất nội dung, phát hiện tin giả, phân tích dữ liệu sâu và tương tác thông minh. Các công nghệ này không chỉ nâng cao hiệu quả mà còn tạo ra các mô hình kinh doanh truyền thông mới.

2.1.4. Threats (Thách thức)

Biến động chính sách và pháp lý: Những thay đổi trong quy định về báo chí, quảng cáo, bảo vệ dữ liệu cá nhân (PDPD) và an ninh mạng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược dài hạn. Các cơ quan truyền thông phải thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với môi trường pháp lý đang hoàn thiện.

Cạnh tranh gay gắt từ các nền tảng lớn: Google, Meta, TikTok, YouTube chiếm thị phần khổng lồ về thời gian sử dụng và doanh thu quảng cáo. Sự thống trị này tạo áp lực cạnh tranh khốc liệt, khiến truyền thông truyền thống và trong nước gặp khó khăn trong việc giữ chân khán giả và duy trì nguồn thu.

Rủi ro thông tin sai sự thật và an ninh mạng: Tin giả, deepfake và các cuộc tấn công mạng nhắm vào hệ thống truyền thông số ngày càng tinh vi. Đây là mối đe dọa nghiêm trọng đến uy tín, an toàn thông tin và sự ổn định xã hội, đòi hỏi đầu tư mạnh vào công nghệ bảo mật và kiểm chứng thông tin.

Thay đổi hành vi người dùng và bão hòa nội dung: Khán giả ngày càng khó tính, dễ bị phân tâm bởi lượng nội dung khổng lồ trên nhiều nền tảng. Sự bão hòa dẫn đến nguy cơ giảm độ trung thành, khó giữ chân người xem/người đọc lâu dài và thách thức trong việc tạo ra nội dung chất lượng cao, có giá trị khác biệt.

2.2. Giải pháp ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam

Dựa trên phân tích SWOT, dưới đây là một số giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam:

2.2.1. Tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin

Phát triển mạng lưới kết nối: Theo kinh nghiệm từ Hàn Quốc và Singapore, việc triển khai mạng 5G và hạ tầng đám mây mạnh mẽ đã giúp các cơ quan truyền thông truyền tải nội dung trực tiếp chất lượng cao, giảm độ trễ và tăng tương tác thời gian thực với khán giả. Xây dựng trung tâm dữ liệu và nền tảng đám mây quốc gia cho truyền thông: Các nước như Đức và Nhật Bản đã xây dựng trung tâm dữ liệu chuyên biệt hỗ trợ ngành truyền thông, giúp giảm chi phí lưu trữ, tăng tốc độ xử lý dữ liệu lớn và đảm bảo an toàn thông tin. Việt Nam cần đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu tích hợp để hỗ trợ các đài truyền hình, báo chí và nền tảng truyền thông số.

2.2.2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo chuyên sâu: Các quốc gia như Mỹ và Trung Quốc đã triển khai mạnh mẽ chương trình đào tạo kết hợp báo chí - công nghệ số, giúp nâng cao năng lực cho nhà báo, biên tập viên và đội ngũ sản xuất nội dung. Mỹ đã tạo ra hàng trăm nghìn việc làm mới trong lĩnh vực truyền thông số nhờ các chương trình chứng chỉ về AI, dữ liệu và sản xuất nội dung. Hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu: Đan Mạch và Hà Lan đã thành công khi các trường đại học hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp truyền thông để xây dựng chương trình đào tạo thực tiễn về chuyển đổi số, giúp đội ngũ nhân sự nhanh chóng làm chủ công nghệ mới.

2.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ

Kêu gọi đầu tư và hỗ trợ từ tổ chức quốc tế: Ngân hàng Thế giới, ADB và UNESCO đã hỗ trợ nhiều nước trong khu vực triển khai chuyển đổi số báo chí. Việt Nam có thể tận dụng các chương trình này để tiếp cận vốn và công nghệ. Hợp tác kỹ thuật với đối tác nước ngoài: Các quốc gia như Úc và Singapore đã hợp tác với các tập đoàn công nghệ lớn (Google, Meta, Microsoft) để chuyển giao nền tảng AI, studio ảo và công nghệ cá nhân hóa nội dung, giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả vận hành.

2.2.4. Phát triển khung pháp lý và tiêu chuẩn hóa

Hoàn thiện quy định pháp lý về chuyển đổi số trong truyền thông: Liên minh Châu Âu (EU) đã ban hành

các quy định về AI Act và bảo vệ dữ liệu (GDPR), tạo khung pháp lý rõ ràng giúp ngành truyền thông phát triển an toàn và bền vững. Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện Luật Báo chí (sửa đổi), Luật An ninh mạng và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ và các nước Bắc Âu đã xây dựng tiêu chuẩn chung về bản quyền số, xác thực nội dung và an ninh mạng, giúp doanh nghiệp truyền thông dễ dàng áp dụng công nghệ mới.

2.2.5. Phát triển mô hình tài chính và hỗ trợ vốn

Tạo cơ chế khuyến khích đầu tư: Ấn Độ áp dụng miễn giảm thuế và quỹ hỗ trợ truyền thông số, giúp tăng nhanh số lượng dự án chuyển đổi số. Việt Nam có thể áp dụng các chính sách ưu đãi thuế, tín dụng xanh cho các dự án chuyển đổi số báo chí. Xây dựng quỹ hỗ trợ chuyển đổi số truyền thông: Na Uy và một số nước châu Âu đã thành lập quỹ truyền thông công cộng hỗ trợ báo chí chất lượng cao và chuyển đổi số, góp phần duy trì sự đa dạng thông tin.

2.2.6. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất và phân phối nội dung

Triển khai IoT, AI và Automation: Mỹ và Hàn Quốc đã sử dụng AI để tự động tạo nội dung cơ bản, phụ đề, dịch thuật và phân tích hành vi khán giả, giúp giảm chi phí sản xuất và tăng tốc độ xuất bản. Phát triển hệ thống giám sát và tương tác từ xa: Trung Quốc đã áp dụng nền tảng đám mây để quản lý sản xuất chương trình trực tiếp và tương tác đa nền tảng, giúp các cơ quan truyền thông vận hành hiệu quả hơn.

2.2.7. Nâng cao nhận thức cộng đồng và xây dựng văn hóa số

Tuyên truyền lợi ích của truyền thông số: Đức và Nhật Bản đã thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức giúp người dân tiếp cận thông tin số an toàn, chống tin giả và ủng hộ báo chí chất lượng. Xây dựng thị trường nội dung số lành mạnh: Việc phát triển thị trường tiêu dùng nội dung số thông qua chính sách giá và ưu đãi sẽ khuyến khích người dân sử dụng nền tảng trong nước.

2.2.8. Ứng dụng Big Data và phân tích dữ liệu

Xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu chuyên sâu: Đan Mạch và Hà Lan sử dụng Big Data để phân tích xu hướng độc giả, tối ưu hóa lịch phát sóng và cá nhân hóa nội dung, giúp tăng tỷ lệ tương tác và doanh thu quảng cáo. Tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn: Việc xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu giúp lãnh đạo truyền thông đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng, từ đó nâng cao hiệu quả chiến lược.

Những kinh nghiệm quốc tế trên cho thấy tính khả thi cao của các giải pháp. Việt Nam cần triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông một cách bền vững và hiệu quả.

2.3. Đánh giá về ứng dụng giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam

Chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông đang trở thành xu hướng tất yếu, không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động mà còn góp phần nâng cao chất lượng nội dung, tăng cường tương tác với công chúng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành. Sự kết hợp giữa truyền thông và các công nghệ số tiên tiến như Internet of Things (IoT), Big Data, Trí tuệ nhân tạo (AI), Machine Learning, 5G và công nghệ tạo sinh (Generative AI) đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong cách sản xuất, phân phối và tiêu thụ thông tin.

Chuyển đổi số giúp các tòa soạn, đài truyền hình và nền tảng truyền thông chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình thông minh. IoT và cảm biến thông minh hỗ trợ sản xuất chương trình trực tiếp, studio ảo; Big Data và AI cho phép phân tích hành vi khán giả sâu sắc, từ đó cá nhân hóa nội dung và tối ưu hóa chiến lược truyền thông. Công nghệ tự động hóa giúp rút ngắn thời gian sản xuất bài viết, video, phụ đề, đồng thời hỗ trợ phát hiện tin giả và bảo vệ bản quyền nội dung (Trần Quang Diệu, 2024). Mặc dù mang lại nhiều lợi ích rõ rệt, quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông vẫn đối mặt với một số thách thức lớn như chi phí đầu tư cao, thiếu nhân lực chất lượng cao, chênh lệch hạ tầng giữa các vùng miền và rủi ro an ninh mạng, tin giả. Việc khắc phục những hạn chế này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các cơ quan truyền thông và doanh nghiệp công nghệ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số không chỉ là công cụ nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền truyền thông hiện đại, dân chủ, chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội. Các quốc gia tiên phong như Đức, Mỹ, Hàn Quốc và Singapore đã chứng

minh rằng đầu tư mạnh vào công nghệ số là yếu tố then chốt để ngành truyền thông phát triển bền vững, cạnh tranh quốc tế và phục vụ tốt hơn nhu cầu thông tin của người dân.

Có thể nói, chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam là xu hướng tất yếu, mang lại cơ hội lớn để nâng tầm ngành báo chí - truyền thông (Hạnh Quỳnh, 2022). Việc triển khai hiệu quả các giải pháp trên sẽ góp phần xây dựng một hệ sinh thái truyền thông số Việt Nam hiện đại, an toàn, hiệu quả và phù hợp với xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

3. Kết luận

Chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam mang đến nhiều cơ hội lớn, song cũng không thiếu những thách thức (Nguyễn Minh Hoàng, 2025). Việc áp dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), học máy (Machine Learning), nền tảng đám mây, 5G và công nghệ tạo sinh (Generative AI) có thể tạo ra những bước tiến quan trọng trong sản xuất nội dung, phân phối thông tin, phân tích hành vi khán giả và tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của ngành truyền thông.

Với bối cảnh hiện tại, Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông. Cơ hội lớn nhất chính là việc tận dụng lợi thế dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng Internet cao cùng xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ của công chúng sang tiêu dùng nội dung số. Đầu tư vào chuyển đổi số sẽ giúp các cơ quan báo chí, đài truyền hình và nền tảng truyền thông Việt Nam cải thiện chất lượng nội dung, tăng tốc độ sản xuất, cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, mở rộng kênh phân phối và nâng cao khả năng cạnh tranh với các nền tảng truyền thông quốc tế. Tuy nhiên, để ứng dụng chuyển đổi số thành công cần giải quyết các hạn chế hiện hữu như chênh lệch hạ tầng số giữa các vùng miền, thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao vừa am hiểu truyền thông vừa thành thạo công nghệ, cùng những thách thức về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chống tin giả.

Việc triển khai chuyển đổi số đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, các đơn vị truyền thông, doanh nghiệp công nghệ và các nhà đầu tư. Đặc biệt, cần chú trọng xây dựng hạ tầng số hiện đại, đẩy mạnh đào tạo và thu hút nhân tài, đồng thời hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ bản quyền số, an ninh mạng và đạo đức truyền thông. Các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy ngành truyền thông phát triển bền vững, chuyên nghiệp và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế số toàn cầu.

Như vậy, chuyển đổi số là yếu tố then chốt giúp lĩnh vực truyền thông tại Việt Nam phát triển mạnh mẽ, hiện đại và bền vững. Để đạt được hiệu quả cao nhất cần có chiến lược dài hạn, đồng bộ với sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ cả phía Nhà nước, các cơ quan truyền thông và doanh nghiệp nhằm tận dụng tối đa cơ hội và vượt qua những thách thức trong quá trình chuyển đổi.

Tài liệu tham khảo

Hạnh Quỳnh (2022). *Chuyển đổi số báo chí - xu hướng tất yếu trong sự phát triển bền vững của báo chí, truyền thông giai đoạn hiện nay*. <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/khoa-hoc/chuyen-doi-so-bao-chi-xu-huong-tat-yeu-trong-su-phat-trien-ben-vung-cua-bao-chi-truyen-thong-giai-doan-hien-nay-21439.html>, ngày 12/6/2022.

Nguyễn Minh Hoàng (2025). *Chuyển đổi số báo chí: Cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên AI*. <https://vjst.vn/chuyen-doi-so-bao-chi-co-hoi-va-thach-thuc-trong-ky-nguyen-ai-76860.html>, ngày 25/11/2025.

Trần Quang Diệu (2024). *Xu thế phát triển của báo chí truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay*. <https://tapchilichsudanang.vn/xu-the-phat-trien-cua-bao-chi-truyen-thong-trong-boi-can-chuyen-doi-so-o-viet-nam-hien-nay.html>, ngày 21/6/2024.

Trần Trọng Hải (2022). *Ngành Truyền thông trong làn sóng chuyển đổi số tại Việt Nam*. <https://lyluanchinhtrivatruyenhong.vn/nganh-truyen-thong-trong-lan-song-chuyen-doi-so-tai-viet-nam-p25862.html>, ngày 28/7/2022.

Thủy Diệu (2022). *Báo chí truyền thông trong dòng chảy chuyển đổi số*. <https://vneconomy.vn/bao-chi-truyen-thong-trong-dong-chay-chuyen-doi-so.htm>.

Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 348/QĐ-TTg, ngày 6/4/2023 phê duyệt Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.